



MAYA SCHOOL

TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ MAYA

Maya.edu.vn | Facebook.com/Maya.School

TUYỂN SINH: Admissions@mayaschool.edu.vn | 0971.59.8228 / 0971.58.8228

VĂN PHÒNG: Office@mayaschool.edu.vn | 0961.77.8228

MATHEMATICS

Exercise No 1 : Ôn tập cuối năm

Teacher : Nguyễn Thị Hậu

Bài 1. Chữ số 7 trong số thập phân 2006,007 có giá trị là:

A. 7

B. $\frac{7}{10}$

C. $\frac{7}{100}$

D. $\frac{7}{1000}$

Bài 2. Phân số $\frac{1}{16}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,625

B. 0,0625

C. 0,00625

D. 0,000625

Bài 3. Trong hộp có 40 viên bi, trong đó có 24 viên bi xanh. Tỷ số phần trăm của số bi xanh và số bi trong hộp là bao nhiêu?

A. 20%

B. 40%

C. 60%

D. 80%

Bài 4. 5840g bằng bao nhiêu kg?

A. 58,4kg

B. 5,84kg

C. 0,584kg

D. 0,0584kg

Bài 5. Dãy số nào được xếp theo thứ tự tăng dần:

A. 0,75 ; 0,74 ; 1,13 ; 2,03

B. 6 ; 6,5 ; 6,12 ; 6,98

C. 7,08 ; 7,11 ; 7,5 ; 7,503

D. 9,03 ; 9,07 ; 9,13 ; 9,108

Bài 6. So sánh A với $\frac{10}{3}$ biết $A = 3 + 0,3 + 0,03$.

A. $A = \frac{10}{3}$

B. $A > \frac{10}{3}$

C. $A < \frac{10}{3}$

Bài 7. Cho biết: $18,987 = 18 + 0,9 + \dots + 0,007$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 8

B. 0,8

C. 0,08

D. 0,008

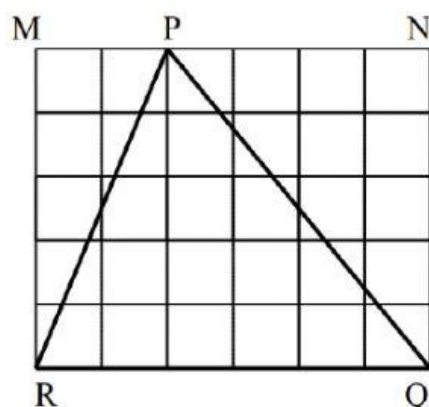
Bài 8. Tâm đi ngủ lúc 21 giờ, thức dậy lúc 5 giờ 15 phút. Hỏi Tâm đã ngủ trong bao lâu?

- A. 7 giờ 15 phút B. 6 giờ 15 phút C. 8 giờ 45 phút D. 8 giờ 15 phút

Bài 9. Chuyển $8\frac{3}{5}$ thành phân số ta được:

- A. $\frac{24}{5}$ B. $\frac{16}{5}$ C. $\frac{43}{5}$ D. $\frac{29}{5}$

Bài 10. Biết mỗi ô vuông trong hình dưới đây đều có diện tích là 1 cm^2 . Hãy tính diện tích hình tam giác PQR ?



- a. 4 cm^2
b. 28 cm^2
c. 10 cm^2
d. 15 cm^2

Bài 11. Khi chia 17,035 cho 6, ta thực hiện như sau:

$$\begin{array}{r} 17,035 \\ 6 \overline{) 50} \\ \underline{23} \\ 55 \\ \underline{1} \end{array}$$

Số dư trong phép toán trên là bao nhiêu ?

- A. 1. B. 0,1 C. 0,01 D. 0,001

Bài 12. Điền số thập phân vào chỗ chấm: 8hg 9g =kg

- A. 8,9 B. 8,09 C. 0,89 D. 0,809

Bài 13. Phép chia dưới đây có số dư bằng bao nhiêu?

$$\begin{array}{r|l} 22,44 & 18 \\ 44 & 1,24 \\ \hline 84 & \\ 12 & \end{array}$$

- A. 12 B. 1,2 C. 0,12 D. 0,012

Bài 14. Tìm x: $x - 2,751 = 6,3 \times 2,4$

- A. $x = 12,359$; B. $x = 15,12$; C. $x = 17,81$; D. $x = 17,871$

Bài 15. Sau khi giảm giá 25% thì giá một chiếc xe đạp là 757 500 đồng. Hỏi giá ban đầu của chiếc xe đạp là bao nhiêu đồng?

- A. 760000 đồng B. 950000 đồng C. 1010000 đồng D. 943750 đồng

Bài 16. Trong hộp có 80 viên bi, trong đó có 48 viên bi xanh, còn lại là bi đỏ. Tỉ số phần trăm của số bi đỏ và số bi trong hộp là bao nhiêu ?

- A. 20% B. 40% C. 60% D. 80%

Bài 17. An giải bài toán thứ nhất hết 30 phút 17 giây, giải bài toán thứ hai nhanh hơn bài toán thứ nhất 5 phút 10 giây. Hỏi An giải bài toán thứ hai hết bao lâu?

- A. 25 phút 10 giây B. 35 phút 10 giây C. 30 phút 27 giây D. 25 phút 7 giây.

Bài 18. 12% của 180kg là:

- A. 2,16kg B. 21,6kg C. 2,06kg D. 20,16kg

Bài 19. Điền số thích hợp vào chỗ chấm sau: 5 yến 6 kg = kg.

- A. 65 B. 56 C. 50 D. 60

Bài 20. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn. 6,085; 7,83; 5,946; 8,41

- A. $5,946 < 6,085 < 7,83 < 8,41$ B. $8,41 < 7,83 < 6,085 < 5,946$
C. $5,946 < 6,085 < 8,41 < 7,83$ D. $6,085 < 5,946 < 8,41 < 7,83$

Bài 21. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm: $50\text{dam}^2 40\text{m}^2$ ha.

- A. 5,4 B. 50,4 C. 0,504 D. 54

Bài 22. Trung bình cộng của hai số 4,56 và 8,93 là:

- A. 6,574 B. 6,745 C. 7,015 D. 6,475

Bài 23. Tìm x biết: $4,856 : x = 0,607$

- A. $x = 9$ B. $x = 7$ C. $x = 10$ D. $x = 8$

Bài 24. An đi từ nhà đến bến xe hết 45 phút, sau đó đi ô tô đến Nha Trang hết 3 giờ 30 phút. Hỏi An đi từ nhà đến Nha Trang hết bao nhiêu thời gian?

- A. 255 phút B. 195 phút C. 225 phút D. 135 phút

Bài 25. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- a) $(4 \text{ giờ } 35 \text{ phút} + 5 \text{ giờ } 15 \text{ phút}) \times 3 = 11 \text{ giờ } 30 \text{ phút}$.
b) $(3 \text{ ngày } 15 \text{ giờ} - 1 \text{ ngày } 21 \text{ giờ}) \times 2 = 4 \text{ ngày}$.
c) $(25 \text{ phút } 46 \text{ giây} + 19 \text{ phút } 24 \text{ giây}) : 5 = 9 \text{ phút } 2 \text{ giây}$.
d) $18 \text{ phút } 6 \text{ giây} \times 3 + 36 \text{ phút } 24 \text{ giây} : 4 = 1 \text{ giờ } 24 \text{ giây}$

Bài 26. Hằng và Lan hẹn gặp nhau lúc 12 giờ 50 phút. Hằng đến chỗ hẹn lúc

12 giờ 25 phút, còn Lan đến muộn mất mười lăm phút. Hỏi Hằng phải đợi Lan mất bao nhiêu phút?

- A. 1 giờ 25 phút B. 25 phút C. 15 phút D. 40 phút

Bài 27. Một xe đi từ A đến B với vận tốc 48 km/giờ và mất 3 giờ 30 phút. Tính quãng đường AB.

- A. 158km B. 178km C. 148km D. 168km

Bài 28. Một người chạy 1500 mét trong 4 phút 10 giây. Tính vận tốc người đó chạy bằng m/giây?

- A. 6m/ giây B. 3m/giây C. 4m/giây D. 5m/giây

Bài 29. Một con hổ đi săn mỗi có thể chạy được 8670m trong 6 phút. Tính vận tốc con hổ bằng km/giờ ?

- A. 0,867 km/giờ B. 8,67 km/giờ C. 86,7 km/giờ D. 867 km/giờ

Bài 30. Một con ngựa vẫn có thể đi chuyển với vận tốc 12m/giây. Tính quãng đường đi chuyển của ngựa vẫn trong 1 phút 25 giây.

- A. 1200m B. 1,022km C. 102m D. 1,02km

Bài 31. Một người đi xe đạp với vận tốc 13,2 km/giờ. Hỏi trong 65 phút người đó đi được bao nhiêu mét?

- A. 10430m B. 10340m C. 14300m D. 13400m

Bài 32. Một xe máy đi với vận tốc 36 km/giờ. Tính thời gian để xe máy đi được quãng đường dài 42 km?

- A. 1 giờ 20 phút C. 1 giờ 15 phút B. 1 giờ 25 phút D. 1 giờ 10 phút

Bài 33. Quãng đường AB dài 120 km. Một ô tô đi từ A đến B với vận tốc 68 km/giờ, cùng lúc đó một xe đạp đi từ B đến A với vận tốc 12 km/giờ. Hỏi từ lúc bắt đầu đi sau mấy giờ ô tô gặp xe đạp?

- A. 1 giờ 30 phút B. 1 giờ 10 phút C. 1 giờ 15 phút D. 1 giờ 20 phút

Bài 34. Một ô tô tải khởi hành từ A lúc 6 giờ 45 phút và đến B lúc 11 giờ 30 phút với vận tốc 56 km/giờ. Tính quãng đường AB.

- A. 256km B. 265km C. 225km D. 266km

Bài 35. Một ô tô đi từ A đến B với vận tốc 60km/giờ thì mất 2 giờ. Nếu một xe máy đi từ B đến A với vận tốc 50 km/giờ thì mất bao nhiêu thời gian?

- A. 2 giờ 24 phút B. 2 giờ 30 phút C. 1 giờ 24 phút D. 2 giờ 25 phút

Bài 36. Thực hiện phép tính: (7phút 41 giây + 8 phút 13 giây) : 6

- A. 2 phút 9 giây B. 3 phút 9 giây C. 2 phút 19 giây D. 2 phút 39 giây

Bài 37. Kết quả của phép tính: 7 ngày 15 giờ $\times$ 4 + 21 giờ

- A. 29 ngày 21 giờ B. 31 ngày 9 giờ C. 30 ngày 9 giờ D. 28 ngày 19 giờ

Bài 38. Hình tam giác có độ dài đáy là 2,6dm và chiều cao là 1,5dm thì diện tích là:

- A. 2,05dm² B. 8,2 dm² C. 1,95 dm² D. 7,8 dm²

Bài 39. Kết quả tính: $13,57 \times 5,5 + 13,57 \times 3,5 + 13,57$ là:

- A. 1,357 B. 13,57 C. 135,7 D. 1357

Bài 40. Tính nhanh: $1,1 + 2,2 + 3,3 + 4,4 + 5,5 + 6,6 + 7,7 + 8,8 + 9,9$.

- A. 39,5 B. 49,5 C. 50,5 D. 60,5